TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23-10-2017.

"V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai;

Ông Tô Hoàng Vũ.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Thành Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 10 năm 2017, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2017/TLST-HNGĐ, ngày 04/7/2017, về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/10/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Tuấn E, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà 173A/2, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà 506A/5, ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Bùi Tuấn E trình bày:

Vào khoảng giữa năm 2005, anh Bùi Tuấn E và chị Nguyễn Thị C quen biết nhau thông qua mai mối, sau khi tìm hiểu nhau được vài tháng và quyết định tiến đến hôn nhân, nên gia đình hai bên tiến hành tổ chức lễ cưới vào cuối năm

2005. Đến ngày 10/8/2007, anh Tuấn E và chị C đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện L, tỉnh Đ để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, anh Tuấn E với chị C chung sống hạnh phúc và sinh được một người con tên Bùi Văn H, sinh ngày 13/8/2006. Tuy nhiên, sau khi chung sống được một thời gian khoảng 02 năm thì anh Tuấn E với chị C xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tuấn Evà chị C bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi. Từ đó, chị C đã bế cháu H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đ để sinh sống, nhưng sau đó anh T có qua đón cháu H và kêu chị C về nhưng chị C không đồng ý cùng anh Tuấn E và cháu H về. Sau đó 03 ngày, chị C quay trở về nhưng lại đốt tất cả các quần áo của chị C và bỏ đi từ năm 2008 cho đến nay. Cho nên, anh Tuấn E với chị C đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, trong thời gian này chị C cũng có tới lui thăm cháu H, nhưng tình cảm vợ chồng đã không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau. Vì vậy, anh Tuấn E yêu cầu được ly hôn với chị C.

Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định mà bị đơn Nguyễn Thị C vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn Bùi Tuấn E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị C đã được Toà án triệu tập xét xử lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân:

Anh Bùi Tuấn E và chị Nguyễn Thị C tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đ vào ngày 10/8/2007 theo đúng quy định của pháp luật. Cho nên, hôn nhân của anh T với chị C là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận, hạnh phúc được thời gian khoảng 02 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm về suy nghỉ nên cả hai thường xuyên cãi nhau và thực tế anh Tuấn E và chị C đã có thời gian dài sống xa nhau từ năm 2008 đến nay, hơn nữa trong khoảng thời gian này cả hai vẫn không thể hàn gắn chung sống lại với nhau được thể hiện qua việc anh Tuấn E có nhiều lần đến để động viên chị C quay về đoàn tụ nhưng chị C vẫn không quay về để cùng xây dựng gia đình với anh Tuấn E. Mặt khác, từ khi anh Tuấn E nộp đơn xin ly hôn đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu

tập chị C để tiến hành hòa giải, động viên để chị C với anh Tuấn E có thể hàn gắn, đoàn tụ và chung sống lại với nhau. Tuy nhiên, chị C lại không chấp hành sự triệu tập của Tòa án, điều đó chứng tỏ rằng chị C đã không có ý định muốn hàn gắn lại với anh Tuấn E và tại phiên tòa anh Tuấn E đã thể hiện sự cương quyết ly hôn với chị C. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Tuấn E với chị C đã không còn, không thể hàn gắn lại được với nhau, mâu thuẫn giữa anh Tuấn E với chị C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Cho nên, việc anh Bùi Tuấn E xin ly hôn với chị Nguyễn Thị C đã thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tuấn E là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Bùi Văn H, sinh ngày 13/8/2006, tính đến nay đã hơn 07 tuổi, đồng thời cháu H cũng có văn bản trình bày nguyện vọng là mong muốn sống chung với anh Tuấn E. Bên cạnh đó, từ trước đến nay, anh Tuấn E cũng đã trực tiếp trông mon, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo cho cháu H và cháu H cũng phát triển tốt. Điều này, chứng tỏ anh Tuấn E đủ điều kiện để có thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt cho cháu H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh Bùi Tuấn E là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng: Lẽ ra, chị Nguyễn Thị C là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do anh Bùi Tuấn E không yêu cầu, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về tài sản và nợ chung: Anh Bùi Tuấn E không yêu cầu giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Anh Bùi Tuấn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn và nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Bùi Tuấn E được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Anh Bùi Tuấn E được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Bùi Văn H, sinh ngày 13/8/2006. Chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Tuấn E cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị C trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Anh Bùi Tuấn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Được khấu trừ từ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15232, ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Anh Tuấn E đã nộp xong).

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/10/2017). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/10/2017 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Hoa Lư